TÒA ÁN NHÂN DÂN TP ĐÀ NẴNG **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56** /2025/HSST
Ngày: 25-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông Nguyễn Phạm Hùng

Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Việt Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2025/TLST- HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Công V; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 01/6/1977 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi ĐKHKTT: Số A Đ, phường T, TP .. Nơi ở hiện nay: 10/11/7 Phạm Văn N, tổ C phường T, TP .; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Công N1 (đã chết) và con bà Huỳnh Thị Kim V1, sinh năm 1947; Gia đình có 06 anh chị em, Bị cáo là con út; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thanh P (đã ly hôn); có 2 con, con lớn nhất sinh năm: 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án: chưa; tiền sự: chưa.

Nhân thân:

Ngày 16/5/2023, bị Công an quận T, TP . (cũ) xử phạt hành chính về hành vi vận chuyển hàng cấm với số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Buôn bán hàng cấm. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/5/2025 (được đặc xá).

Bị cáo hiện đang được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 34 ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng. Có mặt

- Bị hại: Bà **Phạm Thị N2**; Sinh năm 1969; Trú tại: A Đ, phường H, TP .. Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam B, TP .. Vắng mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Bùi Thị Thanh H**; Sinh năm: 2000; Trú tại: A Đ, phường H, TP .. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 27/12/2020, bà Phạm Thị N2 (sinh năm: 1969, nơi thường trú: Tổ C, phường H, quận L, TP . (cũ) nay là phường H, thành phố Đà Nẵng) rời khỏi phòng trọ tại địa chỉ số A đường Đ, phường H, quận L, TP . (cũ) nay là phường H, TP . để đi làm. Lúc này, trong phòng trọ có Phạm Công V là bạn trai sống chung phòng trọ với bà N2. Đến khoảng 18 giờ 40 phút cùng ngày, bà N2 về phòng trọ thì thấy cửa phòng trọ vẫn khóa nhưng không thấy V đâu. Vào phòng bà N2 thấy đồ đạc trong phòng bị xáo trộn, kiểm tra tài sản bà N2 phát hiện bị mất số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) được cất dưới nệm ngủ nên bà N2 đã đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, từ lời khai của Phạm Công V xác định: Trong quá trình chung sống như vợ chồng với bà N2 tại địa chỉ A đường Đ, phường H, TP . do bà N2 thuê, V biết bà N2 có cất giấu số tiền nêu trên ở dưới nệm, do cần tiền tiêu xài nên V lợi dụng lúc bà N2 rời khỏi phòng trọ để đi làm nên đã trộm số tiền 200.000.000 đồng của bà N2 và viết để lại tờ giấy có nội dung thừa nhận việc lấy tiền rồi bỏ trốn, đồng thời V đã khóa điện thoại của mình nhằm không để bà N2 liên lạc được. Sau đó, V đã tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt được.

Ngày 24/4/2025, Cơ quan CSĐT Công an T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 3131/QĐ về việc giám định mẫu chữ viết trong tờ giấy mà Phạm Công V để lại sau khi lấy trộm số tiền của bà N2 với bản tường trình mà do V tự viết ra có phải là cùng chữ viết của V hay không.

Ngày 07/5/2025, Phòng K Công an T ban hành Kết luận giám định số 335/KL-KTHS kết luận: Chữ viết mực màu đỏ trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ viết của Phạm Công V trên mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người viết ra.

*** Việc thu giữ, xử lý vật chứng:**

- 01 (một) tờ giấy màu trắng, chữ màu đỏ có nội dung: “Mẹ ơi ba sai rồi Mẹ tha thứ cho ba” .

- 01 (một) tờ giấy màu trắng, chữ màu đỏ có nội dung: “Mẹ mi ơi tôi bế tắc rồi … cứu ba trong giai đoạn này”.

- 01 (một) giấy phép lái xe số AR639619 (bản sao).

Đối với những vật chứng này sẽ quy trữ tại hồ sơ vụ án.

- Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 21/2025/CT- VKS ngày 27/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phạm Công V về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo và căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Công V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt Phạm Công V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) tờ giấy màu trắng, chữ màu đỏ có nội dung: "Mẹ ơi ba sai rồi Mẹ tha thứ cho ba"; 01 (một) tờ giấy màu trắng, chữ màu đỏ có nội dung: "Mẹ mi ơi tôi bế tắc rồi … cứu ba trong giai đoạn này"; 01 (một) giấy phép lái xe số AR639619 (bản sao) là chứng cứ trong vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Phạm Công V thừa nhận hành vi phạm tội của mình là Trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng truy tố, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo V rất hối hận và xấu hổ về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình, thờ cúng ba và chăm sóc mẹ già đang bị bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Phạm Công V đã khai nhận: Vào ngày 27/12/2020, tại phòng trọ A đường Đ, phường H, quận L

(nay là phường H), TP . lợi dụng lúc bà Phạm Thị N2 không có ở phòng trọ, V lén lút lấy trộm số tiền 200.000.000 đồng của bà N2. Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung "*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật, lười lao động, muốn hưởng lợi nhanh chóng từ thành quả lao động của người khác nên lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, lén lút cố ý thực hiện hành vi trộm cắp 200.000.000 đồng của bà N2. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, gây bất ổn trong Nhân dân trên địa bàn TP .. Do đó cần phải quyết định một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo V không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hiện nay gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương do đó đủ cơ sở áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo V có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên được HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng một thời gian mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) tờ giấy màu trắng, chữ màu đỏ có nội dung: "Mẹ ơi ba sai rồi Mẹ tha thứ cho ba"; 01 (một) tờ giấy màu trắng, chữ màu đỏ có nội dung: "Mẹ mi ơi tôi bế tắc rồi … cứu ba trong giai đoạn này"; 01 (một) giấy phép lái xe số AR639619 (bản sao) là chứng cứ trong vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà về áp dụng điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phần xử lý vật chứng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Án phí HSST bị cáo Phạm Công V phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo Phạm Công V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Công V 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 25/9/2025.

2. **Về xử lý vật chứng**: Đối với 01 (một) tờ giấy màu trắng, chữ màu đỏ có nội dung: "Mẹ ơi ba sai rồi Mẹ tha thứ cho ba"; 01 (một) tờ giấy màu trắng, chữ màu đỏ có nội dung: "Mẹ mi ơi tôi bế tắc rồi … cứu ba trong giai đoạn này"; 01 (một) giấy phép lái xe số AR639619 (bản sao) là chứng cứ trong vụ án nên tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

3. Án phí HSST: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST: 200.000 đồng bị cáo Phạm Công V phải chịu.

Báo bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 4 - Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Công an TP Đà Nẵng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh